TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **197**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 05 - 9 - 2019
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Hoàng Khởi.
Ông Nguyễn Văn Chiến.
- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Trần Đình Chưởng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 660/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019.Về việc yêu cầu xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 656/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Huỳnh D, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Số 394 Nguyễn T, khóm A, phường B, thành phố Cà M, tỉnh Cà M. (có mặt).

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Số 394 Nguyễn T, khóm A, phường B, thành phố Cà M, tỉnh Cà M. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của bà Trịnh Huỳnh D:*

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mvào ngày 11/12/2000. Hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống chung không hạnh phúc, ông Đ không quan tâm gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân được từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Trước đây vào năm 2018 bà D có nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Đ, nhưng bà D rút đơn lại để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Sau đó vợ chồng hàn gắn tình cảm được một thời gian, thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 09/12/2001, đã trưởng thành; Nguyễn Gia T, sinh ngày 06/10/2005; Nguyễn Gia D, sinh ngày 06/10/2005. Hiện các con chung đang do ông Nguyễn Văn Đ chăm sóc nuôi

dưỡng. Khi ly hôn bà D đồng ý giao cháu Nguyễn Gia T và cháu Nguyễn Gia D cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Bà D không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Gia K hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

** Ông Nguyễn Văn Đ trình bày:* Ông và bà Trịnh Huỳnh D kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Cà M, tỉnh Cà M vào ngày 11/12/2000. Hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điển sống, không có tiếng nói chung nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Trước đây vào năm 2018 bà D có nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Đ nhưng sau đó bà D rút đơn lại để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Nay bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông thì ông không đồng ý, vì ông xác định còn tình cảm với bà D, mong muốn hàn gắn tình cảm, vợ chồng đoàn tụ để chăm sóc con chung. Tại phiên tòa hôm nay sau khi xét hỏi ông Đ thay đổi ý kiến thống nhất ly hôn với bà D, ông cho là do bà D cương quyết xin ly hôn nên ông thống nhất.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 09/12/2001; Nguyễn Gia T, sinh ngày 06/10/2005; Nguyễn Gia D, sinh ngày 06/10/2005. Hiện các con chung đang do ông Đ chăm sóc nuôi dưỡng. Nếu trường hợp vợ chồng ly hôn ông Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia T và cháu Nguyễn Gia D. Ông Đầy không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Gia K hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa bà Trịnh Huỳnh D và ông Nguyễn Văn Đ được xác định là tranh chấp về việc xin ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà D ông Đ có đăng ký kết hôn ngày 11/12/2000 tại UBND phường B thành phố Cà M, tỉnh Cà M theo quy định của pháp luật, hôn nhân tự nguyện, nên mối quan hệ hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận và bảo vệ. Lời trình bày của bà D tại phiên tòa nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, ông Đ không quan tâm gia đình. Vợ, chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi vô cớ. Vào năm 2018 bà D có làm đơn xin ly hôn, nhưng sau đó rút lại đơn, vợ chồng hàn gắng được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn tiếp tục. Vợ, chồng đã tự ly thân nhau từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Nay bà yêu cầu xin ly hôn với ông Đ.

Đối với ông Đ trong quá trình hòa giải ông xác định vẫn còn thương vợ, con và không đồng ý ly hôn. Tại Tòa ông Đ cũng thừa nhận vợ chồng đôi lúc có mâu

thuẫn, nhưng theo ông mâu thuẫn không lớn do áp lực công việc, vợ chồng có cự cãi nhưng cũng không ảnh hưởng đến việc phải ly hôn. Song do bà D cương quyết ly hôn nên ông đồng ý ly hôn.

Việc mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh từ năm 2018 đến nay và không thể nào hàn gắng cụ thể năm 2018, bà D cũng đã làm đơn xin ly hôn nhưng bà đã cho ông Đ cơ hội sửa chửa vợ chồng đoàn tụ một thời gian ngắn thì mâu thuẫn tiếp. Vì vậy cuộc hôn nhân kéo dài cũng không có hạnh phúc, gây rắc rối cho nhau. Hội đồng xét xử, xét thấy mâu thuẫn trong hôn nhân của ông, bà đã thật sự đã trầm trọng, không thể kéo dài đời sống chung của vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn thương yêu tin tưởng lẫn nhau, nếu tiếp tục sống chung cũng không có hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, cho bà D được ly hôn với ông Đ.

[3] Về con chung: Có 03 người tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 09/12/2001. Hiện đã trưởng thành; Nguyễn Gia T, sinh ngày 06/10/2005; Nguyễn Gia D, sinh ngày 06/10/2005. Hiện các con chung đang do ông Đ chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà D giao các con cho ông Đ nuôi dưỡng , không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Đối với ông Đ có ý kiến nếu trường hợp vợ chồng ly hôn ông Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia T và cháu Nguyễn Gia D. Ý kiến nguyện vọng của các cháu đồng ý sống chung với ông Đ cho nên tiếp tục giao ông Đ nuôi dưỡng cháu T và D.

Về cấp dưỡng nuôi con ông Đ và bà D không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà D có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Tại tòa ông, bà xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông, bà xác định không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà D phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Về hôn nhân: Cho bà Trịnh Huỳnh D được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

-Về con chung: Có 03 người tên: Nguyễn Gia K, sinh ngày 09/12/2001. Hiện đã trưởng thành; Nguyễn Gia T, sinh ngày 06/10/2005; Nguyễn Gia D, sinh ngày 06/10/2005. Ý kiến nguyện vọng của các cháu đồng ý sống chung với ông Đ. Hiện các con chung đang sống chung với ông Đ. Tuyên xử giao cháu Nguyễn Gia T và cháu Nguyễn Gia D cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trịnh Huỳnh D có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Ông, bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ông, bà xác định vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

2. Án phí sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, bà D phải chịu. Bà D đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo lai số 0000511 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà M ngày 29/7/2019, được sung quỹ nhà nước khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Hùng Quang

Nơi nhận:
- Các đương sự theo Điều 269 BLTTDS;
- VKSND Thành phố Cà M;
- TAND Tỉnh Cà M;
- UBND Phường B,Tp.Cà M, tỉnh Cà M;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM: TAND TPCM).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chiến **Huỳnh Hoàng Khởi** **Dương Hùng Quang**